

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 57 /GPMT-UBND

Đồng Tháp, ngày 11 tháng 3 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long tại Văn bản số 02/CVCL.26 ngày 10 tháng 02 năm 2026 về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở Vùng nuôi thủy sản Gáo Giồng và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 2755/TTr-SNN&MT ngày 06 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long, địa chỉ: Lô III - 1, khu C mở rộng, Khu công nghiệp Sa Đéc, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Vùng nuôi thủy sản Gáo Giồng có địa chỉ: ấp 5, xã Phong Mỹ, tỉnh Đồng Tháp với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Vùng nuôi thủy sản Gáo Giồng.

1.2. Địa điểm hoạt động: ấp 5, xã Phong Mỹ, tỉnh Đồng Tháp.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400571715 cấp lần đầu vào ngày 22/11/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 07/4/2023.

1.4. Mã số thuế: 1400571715.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: nuôi trồng, chế biến và xuất nhập khẩu thủy sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích: 403.224 m².

- Nhóm dự án: cơ sở thuộc nhóm B theo khoản 4 Điều 9 tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công với tổng mức đầu tư 300.000.000.000 đồng.

- Cơ sở thuộc danh mục các dự án đầu tư nhóm III ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường quy định tại khoản 5 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường, thuộc số thứ tự 2 mục II phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

- Quy mô: 7.000 – 8.000 tấn /vụ (01 vụ nuôi).

- Quy trình nuôi: chuẩn bị ao nuôi → chọn mua và thả cá → nuôi cá → lấy mẫu trước khi thu hoạch → thu hoạch → vận chuyển → chuẩn bị ao cho vụ nuôi kế tiếp.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *muon*

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Công an tỉnh;
- UBND xã Phong Mỹ;
- Cty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long;
- TT Tin học & Công báo (đăng Công Thông tin);
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, GVi.

5

KT. CHỦ TỊCH *muon*
PHÓ CHỦ TỊCH

Thư
Nguyễn Thành Diệu

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 57/GPMT-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ XẢ NƯỚC THẢI

Nước thải của cơ sở (nước thải sinh hoạt của công nhân viên được xử lý sơ bộ qua hầm tự hoại 3 ngăn; nước thải ao chứa bùn; nước thải từ ao nuôi, tổng lượng phát sinh là 16.818 m³/ngày đêm) được xử lý qua hệ thống mương xử lý nước thải, tổng sức chứa của mương là 439.110 m³ của cơ sở. Nước thải sau khi qua mương xử lý của cơ sở được xả ra nguồn tiếp nhận là kênh An Phong – Mỹ Hòa.

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: nước thải ao nuôi 16.560 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 02: nước thải ao chứa bùn 252 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 03: nước thải sinh hoạt 6,0 m³/ngày đêm.

2. Dòng nước thải đầu nối vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: (nước thải sinh hoạt → xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn) + nước thải ao chứa bùn + nước thải ao nuôi → mương xử lý nước thải (tại mương xử lý nước thải diễn ra quá trình xử lý sinh học nhờ giá thể lục bình và các loại cá tự nhiên (chủ yếu), bèo, rau muống và hệ sinh vi vật tự nhiên → nước thải lưu 3 ngày để diễn ra các cơ chế xử lý và lắng đọng các chất hữu cơ → xả ra kênh An Phong - Mỹ Hòa qua cống xả thải bằng bê tông D1.000 mm, sâu 2m tấm chắn cống xả được làm bằng sắt 1.5m x 1.2m và dày 1cm, đảm bảo đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột A.

2.2. Vị trí xả nước thải: tại 1 điểm có tọa độ: X = 1172869; Y = 570321 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiều 3°) trên kênh An Phong – Mỹ Hòa đoạn qua ấp 5, xã Phong Mỹ, tỉnh Đồng Tháp.

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 16.818 m³/ngày đêm (bao gồm nước thải ao nuôi, nước thải sinh hoạt và nước thải từ ao chứa bùn), thời gian xả thải tối đa trong 01 lần là 24 giờ, tương ứng lưu lượng tối đa là 700,75 m³/giờ.

2.4. Phương thức xả nước thải: tự chảy. Nước thải sau xử lý từ mương xử lý nước thải tự chảy theo cống bằng bê tông D1.000, sâu 2m tấm chắn cống xả được làm bằng sắt 1.5m x 1.2m và dày 1cm để xả kênh An Phong - Mỹ Hòa tại 01 điểm xả.

2.5. Chế độ xả thải: xả thải gián đoạn; chu kỳ xả thải 03 ngày/lần; thời gian xả thải: 01 lần xả thải 24 giờ.

2.6. Chất lượng nước thải sau khi xử lý phải bảo đảm các thông số ô nhiễm không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A.

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 40:2025/BTNMT, cột A	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6 đến 9	03 tháng/lần	Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	≤ 40		
3	COD	mg/L	≤ 65		
4	Chất rắn lơ lửng	mg/L	≤ 40		
5	Tổng Nitơ	mg/L	≤ 20		
6	Clo dư	mg/L	≤ 1,0		
7	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/L	≤ 8,0		
8	Coliforms	vi khuẩn/100mL	≤ 3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải từ nguồn số 01 và 02 → hệ thống mương xử lý nước thải của cơ sở.

- Nước thải từ nguồn số 03 → bể tự hoại 3 ngăn → hệ thống mương xử lý nước thải của cơ sở.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: (nước thải sinh hoạt → xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn) + nước thải ao chứa bùn + nước thải ao nuôi → mương xử lý nước thải (tại mương xử lý nước thải diễn ra quá trình xử lý sinh học nhờ giá thể lọc bình và các loại cá tự nhiên (chủ yếu), bèo, rau muống và hệ sinh vi vật tự

nhiên → nước thải lưu tối thiểu 3 đến 4 ngày để diễn ra các cơ chế xử lý và lắng đọng các chất hữu cơ → xả ra kênh An Phong – Mỹ Hòa qua cống xả thải bằng bê tông D1.000 mm, sâu 2m tấm chắn cống xả được làm bằng sắt 1.5m x 1.2m và dày 1cm, đảm bảo đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột A.

- Công suất thiết kế mương xử lý nước thải: 439.110 m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: vôi bột, muối hạt, chế phẩm sinh học, BKC, lục bình, bèo, rau muống.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 46 Điều 1 của Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Thời gian vận hành thử nghiệm dự kiến từ 01/4/2026 đến 01/10/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Mương xử lý nước thải, diện tích 87.822 m², độ sâu 5m, có thể tích chứa là 439.110 m³ (công suất xử lý nước thải 16.818 m³/ngày đêm).

a) Vị trí lấy mẫu: 01 mẫu nước thải đầu ra sau xử lý.

b) Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung được cấp phép tại mục 2.6 phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: thực hiện theo các quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động, bảo đảm theo yêu cầu trước khi xả thải.

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long chịu hoàn toàn trách nhiệm thực hiện giám sát chất lượng nước thải và hoạt động xả thải./.

Phụ lục 2

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **57** /GPMT-UBND
ngày **11** tháng **3** năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn số 01: tiếng ồn, độ rung từ trạm bơm.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (tọa độ lấy tại trung tâm của khu vực phát sinh tiếng ồn và rung)

Vị trí phát sinh: $X = 1172856$; $Y = 570419$ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° , múi chiều 3°).

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BTNMT – Quy định kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

TT	Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)
Khu vực C	60	55	50

2.2. Độ rung

TT	Khoảng thời gian	
	Ngày (06h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)
Khu vực C	70	65

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: khu vực trạm bơm được bố trí trong các khu vực có vách ngăn (nhà kín) riêng biệt. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: dùng các kết cấu đàn hồi giảm rung như hộp dầu giảm chấn, gối đệm cao su, đệm đàn hồi cao su,... Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 3

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **57** /GPMT-UBND
ngày **11** tháng **3** năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Thành phần	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Bao bì đựng thuốc thú y	13	18 01 01
2	Dầu nhớt thải	2	17 06 01
3	Giẻ lau dính dầu, nhớt	10	18 02 01
4	Bóng đèn huỳnh quang	2	16 01 06
5	Pin, ắc quy thải	5	16 01 12
Tổng		32	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Đơn vị tính	Khối lượng (tấn/năm)
1	Cá chết	-	-	tấn/năm	103
2	Bùn thải ao nuôi	12 06 13	TT	tấn/năm	4.816
3	Lục bình	-	-	tấn/năm	240
3	Các loại bao bì thải	18 01 11	TT	tấn/năm	48,12
Tổng khối lượng					5.207,12

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	0,72

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Diện tích khu vực lưu chứa: 2 m².
- Kết cấu khung thép, vách tole, mái lợp tole, nền tráng xi măng, chiều cao 3 m, có cửa khép kín. Bên ngoài có biển báo cách ly và ghi chú khu vực lưu

giữ chất thải nguy hại đảm bảo các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Diện tích kho chứa chất thải: 40 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: kết cấu khung, mái lợp tole, diện tích 40m² nền tráng xi măng, chiều cao 3 m, có cửa khép kín bằng tôn ghi rõ khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: bố trí 03 thùng chứa rác, dung tích 100 lít có nắp đậy, phân loại, chuyển giao đơn vị đủ chức năng thu gom, xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Sự cố cháy nổ: phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ theo quy định.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này./.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **5** **7** /GPMT-UBND
ngày **11** tháng **3** năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG/ GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Không.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

2. Thực hiện đúng quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.

4. Công khai Giấy phép môi trường theo quy định pháp luật, trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

5. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, an toàn sự cố, phòng cháy chữa cháy,.../.